

Số: 29/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Xét Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ban Pháp chế; Báo cáo giải trình số 358/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 9.003 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 7.927 biên chế.
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.076 chỉ tiêu.

2. Biên chế sự nghiệp: 135.383 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 116.380 biên chế.
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10.664 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.539 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức thực hiện tổng biên chế hành chính, sự nghiệp đúng số giao theo Nghị quyết này. Trong năm 2021, nếu được Chính phủ, Bộ Nội vụ giao bổ sung biên chế thì UBND Thành phố lên phương án sử dụng thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố để thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết: số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước liên quan đến tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về việc thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội đến tận cấp cơ sở và nhân dân.

Thực hiện tốt công tác rà soát, kiện toàn, sắp xếp đội ngũ công chức phường thuộc quận, thị xã của Thành phố; đồng thời phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ đề có phương án xử lý đối với biên chế công chức phường năm 2021 ngay sau khi Nghị định của Chính phủ được ban hành hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội.

Xem xét giải quyết chế độ cho các trường hợp nghỉ không công tác do thực hiện mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố liên quan đến lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế phù hợp với chủ trương của Đảng và các quy định pháp luật mới của Nhà nước (đặc biệt là ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội như: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khóa XII, Nghị quyết số 97/2019/QH14, Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 đảm bảo triển khai thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội hiệu quả.

4. Chỉ đạo thực hiện việc rà soát, kiện toàn, sắp xếp tổ chức lại các cơ quan chuyên môn cấp Thành phố, cấp quận huyện thị xã theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 liên quan đến việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố, quận, huyện, thị xã theo hướng tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy.

Chỉ đạo rà soát, kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; đánh giá các đơn vị sự nghiệp sau khi hợp nhất; tập trung các giải pháp đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy nhanh việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ; tiếp tục bám sát Bộ Tài chính để sớm giải quyết các vướng mắc trong việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần.

5. Tăng cường công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, đơn giản đến mức tối đa các thủ tục hành chính liên quan, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan thuộc Thành phố.

6. Tập trung điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành; đảm bảo bố trí cơ cấu hợp lý giữa lực lượng gián tiếp và trực tiếp (35%-65%), có phương án luân chuyển, điều động viên chức giáo viên trên cùng một địa bàn và bố trí đội ngũ kế toán, y tế trường học phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng; tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới của năm 2021, đổi mới nội dung, hình thức thi tuyển; nghiên cứu cơ chế xét tuyển đối với một số đối tượng đặc thù để đảm bảo thu hút người có đức, có tài phục vụ cho các cơ quan của Thành phố; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên, đột xuất.

Trong công tác quản lý công chức, viên chức tiếp tục thực hiện sắp xếp đảm bảo đúng đề án vị trí việc làm theo các quy định mới của Chính phủ, Bộ Nội vụ. Xác định chất lượng nguồn nhân lực của Thủ đô phải là yếu tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả công tác tham mưu tại tất cả các ngành, lĩnh vực.

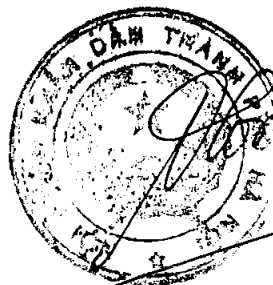
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phùng Thị Hồng Hà

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH
TRONG CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2021**
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 09/12/2020
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)



STT	Tên đơn vị	Phân bổ biên chế hành chính năm 2021		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
	Tổng cộng	9 003	7 927	1 076
I	Khối Sở ngành	3 988	3 313	675
1	Văn phòng UBND Thành phố	193	149	44
2	Khối lãnh đạo các cơ quan dân cư Thành phố	17	17	
3	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố (Dự kiến)	43	33	10
4	Sở Thông tin và Truyền thông	79	69	10
5	Sở Nội vụ	155	123	32
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	679	578	101
7	Sở Công Thương	138	123	15
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	170	158	12
9	Sở Tài chính	227	217	10
10	Sở Xây dựng	220	202	18
11	Sở Giao thông Vận tải	698	411	287
12	Sở Khoa học và Công nghệ	112	99	13
13	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	154	147	7
14	Sở Giáo dục và đào tạo	141	126	15
15	Sở Y tế	177	151	26

STT	Tên đơn vị	Phân bổ biên chế hành chính năm 2021		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
16	Sở Văn hóa và Thể thao	119	107	12
17	Sở Du lịch	59	53	6
18	Sở Tư pháp	80	73	7
19	Sở Ngoại vụ	40	33	7
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	180	167	13
21	Sở Quy hoạch Kiến trúc	103	91	12
22	Thanh tra Thành phố	118	112	6
23	Ban Dân tộc	27	21	6
24	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	59	53	6
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 015	4 614	401
1	Quận Hoàn Kiếm	185	179	6
2	Quận Hai Bà Trưng	214	190	24
3	Quận Ba Đình	182	167	15
4	Quận Đống Đa	229	206	23
5	Quận Tây Hồ	151	147	14
6	Quận Thanh Xuân	161	148	13
7	Quận Cầu Giấy	160	148	12
8	Quận Hoàng Mai	181	169	12
9	Quận Long Biên	165	159	6
10	Quận Nam Từ Liêm	166	151	15
11	Quận Bắc Từ Liêm	164	152	12

STT	Tên đơn vị	Phân bổ biên chế hành chính năm 2021		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
12	Quận Hà Đông	190	175	15
13	Huyện Thanh Trì	187	175	12
14	Huyện Gia Lâm	198	181	17
15	Huyện Đông Anh	201	194	7
16	Huyện Sóc Sơn	214	197	17
17	Huyện Ba Vì	163	150	13
18	Thị xã Sơn Tây	162	151	11
19	Huyện Thạch Thất	142	133	9
20	Huyện Phúc Thọ	137	126	11
21	Huyện Đan Phượng	145	129	16
22	Huyện Hoài Đức	148	139	9
23	Huyện Quốc Oai	145	133	12
24	Huyện Chương Mỹ	158	137	21
25	Huyện Thanh Oai	133	124	9
26	Huyện Thường Tín	138	129	9
27	Huyện Ứng Hòa	147	129	18
28	Huyện Phú Xuyên	139	128	11
29	Huyện Mỹ Đức	147	130	17
30	Huyện Mê Linh	153	138	15

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 09/12/2020
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
	Tổng cộng	135 383	116 380	10 464	8 539
I	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	28 320	24 932	3 136	252
1	Văn phòng UBND Thành phố	29	28	1	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	69	66	3	
3	Sở Nội vụ	24	24		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1 844	1 509	103	232
5	Sở Công Thương	74	66	8	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	38	2	
7	Sở Tài chính	20	17	3	
8	Sở Giao thông Vận tải	84	74	10	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	86	71	15	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 267	1 156	1 111	
11	Sở Giáo dục và đào tạo	10 573	10 027	526	20
12	Sở Y tế	11 675	10 519	1 156	
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 269	1 083	186	
14	Sở Tư pháp	93	88	5	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	150	143	7	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHD theo định mức
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	23	23		
II	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	1 335	1 180	155	
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	200	115	85	
2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	108	96	12	
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	73	69	4	
4	Trường Đại học Thủ đô	338	326	12	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	143	140	3	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	132	120	12	
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	140	136	4	
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	131	117	14	
9	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	70	61	9	
III	Khối Hội được giao biên chế	480	373	31	76
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2	
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	1	5
4	Hội Chữ thập đỏ	21	16	2	3
5	Hội Người mù	26		4	22
6	Hội Luật gia	5	3		2
7	Hội Nhà báo	7	5	1	1
8	Hội Đông y	24	17	2	5
9	Hội Khuyến học	1			1
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHĐ theo định mức
11	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13	
13	Trung tâm Hỗ trợ nông dân trực thuộc Hội Nông dân Thành phố	8	8		
IV	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã	105 248	89 895	7 142	8 211
1	Quận Hoàn Kiếm	1 950	1 656	182	112
2	Quận Hai Bà Trưng	3 031	2 605	229	197
3	Quận Ba Đình	2 692	2 345	196	151
4	Quận Đống Đa	3 243	2 794	248	201
5	Quận Tây Hồ	1 609	1 384	103	122
6	Quận Thanh Xuân	2 408	2 068	144	196
7	Quận Cầu Giấy	2 565	2 227	144	194
8	Quận Hoàng Mai	3 329	2 872	216	241
9	Quận Long Biên	3 875	3 269	238	368
10	Quận Nam Từ Liêm	2 266	1 941	136	189
11	Quận Bắc Từ Liêm	2 674	2 304	158	212
12	Quận Hà Đông	4 703	4 038	242	423
13	Huyện Thanh Trì	3 976	3 332	294	350
14	Huyện Gia Lâm	3 830	3 267	271	292
15	Huyện Đông Anh	5 397	4 668	281	448
16	Huyện Sóc Sơn	5 474	4 660	400	414
17	Huyện Ba Vì	5 184	4 365	439	380

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2021			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	LĐHD theo định mức
18	Thị xã Sơn Tây	2 301	1 952	172	177
19	Huyện Thạch Thất	3 654	3 151	240	263
20	Huyện Phúc Thọ	3 260	2 788	217	255
21	Huyện Đan Phượng	2 757	2 368	179	210
22	Huyện Hoài Đức	4 259	3 623	221	415
23	Huyện Quốc Oai	3 713	3 144	288	281
24	Huyện Chương Mỹ	4 825	4 140	327	358
25	Huyện Thanh Oai	3 302	2 845	204	253
26	Huyện Thường Tín	4 002	3 455	266	281
27	Huyện Ứng Hòa	3 557	3 017	270	270
28	Huyện Phú Xuyên	3 971	3 379	257	335
29	Huyện Mỹ Đức	3 795	3 134	365	296
30	Huyện Mê Linh	3 646	3 104	215	327